

**BẢO HIỂM XÃ HỘI
VIỆT NAM**

Số: 1524/QĐ-BHXXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH BẢNG ĐIỂM THI ĐUA

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 94/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-BHXXH ngày 07/12/2006 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy chế khen thưởng của Ngành;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thi đua – Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, chấm điểm thi đua hàng năm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Bảng điểm thi đua ban hành kèm theo Công văn số 1463/BHXXH-VP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 3. Trưởng Ban Thi đua – Khen thưởng, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD, Các PTGD,
- Lưu: VT, TĐKT.

Lê Bạch Hồng

BẢNG ĐIỂM THI ĐUA

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-BHXH ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo Nghị định số 94/2008/NĐ-CP của Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, chấm điểm thi đua trên các mặt công tác đối với Bảo hiểm xã hội các tỉnh thành phố. Điểm thi đua là căn cứ đánh giá, xếp loại BHXH các tỉnh, thành phố hàng năm cụ thể như sau: Tổng điểm là 1500 điểm:

Loại 1: Đối với BHXH tỉnh, thành phố đạt 90% tổng số điểm (tương đương 1350 điểm).

Loại 2: Đối với BHXH tỉnh, thành phố đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số điểm (tương đương từ 1200 đến dưới 1350 điểm)

Loại 3: Đối với BHXH tỉnh, thành phố đạt dưới 80% tổng số điểm (tương đương dưới 1200 điểm).

1. CÔNG TÁC THU: 150 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Thực hiện kế hoạch thu đạt 100% trở lên, đạt tiến độ thu các quý (quý 1: 20%, quý 2: 45%, quý 3: 72%, quý 4: 100%). Trường hợp có công văn đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch thu và được BHXH Việt Nam điều chỉnh, đến cuối năm thực hiện số thu vượt chỉ tiêu được giao đầu năm thì trừ 20 điểm. Nếu thu dưới 95%, trừ 50 điểm; nếu thu đạt từ 95% đến dưới 100%, trừ 30 điểm; mỗi quý thu không đạt tiến độ thì trừ 10 điểm	50
2	Nợ bình quân năm: chấm điểm theo quý, mỗi quý 20 điểm, cả năm là trung bình cộng của 4 quý. Nợ bình quân mỗi quý đạt chỉ tiêu ($Q1 \leq 1,5$ tháng, $Q2 \leq 1,2$ tháng, $Q3 \leq 1$ tháng, $Q4 \leq 0,6$ tháng). Nếu số nợ mỗi quý lớn hơn định mức thì trừ từ 5-10 điểm. Nợ cuối năm trừ theo tỷ lệ như sau: Từ 0,41 tháng đến 0,50 tháng trừ 10 điểm; Từ 0,51 tháng đến 0,70 tháng trừ 15 điểm; Từ 0,71 tháng đến 0,90 tháng trừ 20 điểm; Từ 0,91 tháng đến 01 tháng trừ 30 điểm; Từ trên 01 tháng trừ 50 điểm.	50
3	- Mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc tăng tối thiểu theo tỷ lệ 5 vùng (2,5% đối với những tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên; 3% đối với những tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Bắc trung bộ, Duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long; 3,5% đối với những tỉnh Đông Nam Bộ. Riêng thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, tỉnh Bình Dương và Đồng Nai từ 5% trở lên). Nếu số đối tượng tham gia đạt dưới hoặc bằng 80% chỉ tiêu trên thì trừ 30 điểm; nếu đạt từ trên 80% đến dưới 100% thì trừ 20 điểm.	30
4	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ kịp thời đúng quy định. 3 lần	20

	<i>không nộp báo cáo tháng trừ 5 điểm; 2 lần báo cáo quý nộp chậm từ 1 tháng trở lên trừ 5 điểm; Báo cáo XD kế hoạch không sát thực tế (thấp hoặc cao hơn 10% trở lên so với số thực hiện năm) trừ 5 điểm. Công tác điều hành, quản lý không tốt trừ 5 điểm.</i>	
--	--	--

2. CÔNG TÁC CHI: 150 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Lập dự toán và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên đúng thời gian quy định. <i>Xây dựng dự toán không sát thực tế, nộp dự toán chậm trừ tối đa 5 điểm; Báo cáo số liệu chi Bảo hiểm, quyết toán kinh phí qua hộp thư điện tử (báo cáo nhanh) sai, chậm trừ 10 điểm; Các loại báo cáo thường xuyên khác chậm, trừ 05 điểm</i>	20
2	Công tác chi BHXH (bao gồm: chi BHXH bắt buộc, chi BHXH tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp) <i>- Sử dụng nguồn chi BHXH, BHYT cho các mục đích khác mà không được BHXH Việt Nam cho phép, trừ 5 điểm.</i> <i>- Thực hiện các quy định quản lý và tổ chức chi trả các chế độ BHXH: Phân cấp chi trả không đúng, tổ chức chi trả không kịp thời, trừ đến 5 điểm; Quản lý đối tượng không chặt chẽ, cắt giảm chậm, có khiếu kiện trừ đến 10 điểm;</i> <i>- Riêng quản lý tiền mặt không đảm bảo an toàn để mất tiền, trừ tối đa 30 điểm.</i>	30
3	Công tác chi quản lý bộ máy và sử dụng các quỹ, trừ tối đa đến 35 điểm tùy theo mức độ vi phạm khi chi không đúng chế độ quy định, chi sai nội dung: <i>- Ban hành quy định, định mức chi tiêu trái thẩm quyền hoặc vượt mức quy định của BHXH Việt Nam, của Bộ Tài chính trừ 10 điểm.</i> <i>- Quyết định chi tiêu tất cả các nguồn kinh phí trái thẩm quyền, sai quy định đến mức phải thu hồi trừ 15 điểm.</i> <i>- Không chấp hành đúng các quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng các quỹ của BHXH Việt Nam trừ từ 10 điểm.</i>	35
4	Quản lý tài chính, chấp hành kỷ luật tài chính theo quy định. Chấp hành pháp luật về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của bảo hiểm xã hội Việt Nam. <i>- Khi bị các đoàn kiểm tra, kiểm toán, xét duyệt quyết toán xuất toán do chi</i>	35

	<i>tiêu sai quy định trừ 10 điểm.</i> <i>- Vi phạm quy định về quản lý tài chính (quản lý tiền mặt, tiền gửi, vật tư hàng hóa để xảy ra thất thoát) trừ từ 5 đến 10 điểm.</i> <i>- Không đơn đốc thanh toán công nợ, để các đơn vị, cá nhân (cả trong và ngoài đơn vị) chiếm dụng trừ 5 điểm.</i> <i>- Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, điều chuyển, thanh toán. Mua sắm và đấu thầu mua sắm tài sản trừ 5 điểm.</i> <i>- Để dư nguồn kinh phí chi bảo hiểm thời điểm cuối năm lớn (trên 5% tổng số chi các loại bảo hiểm trong năm) trừ 5 điểm</i>	
5	Công tác hạch toán kế toán; sổ sách, chứng từ; báo cáo quyết toán. - Công tác hạch toán kế toán: Trừ đến 5 điểm khi để ngoài sổ sách kế toán các khoản thu, loại kinh phí của cơ quan; không phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính; Trừ 5 điểm khi không điều chỉnh sổ sách, báo cáo theo các biên bản kiểm tra, kiểm toán, xét duyệt (thẩm định) và thông báo số liệu quyết toán hàng năm được duyệt. - Sổ sách kế toán mở đầy đủ, chứng từ kế toán lập rõ ràng, đúng chế độ quy định, cập nhật đúng thời gian phát sinh, lưu trữ đảm bảo quy định, an toàn. Trừ đến 10 điểm khi lập chứng từ không đúng quy định, sổ sách mở không đầy đủ, vào sổ không đúng quy định, không kịp thời; số liệu trong sổ sách kế toán, chứng từ kế toán không khớp nhau, không đúng với báo cáo quyết toán; Chứng từ lưu trữ không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, mất chứng từ. - Báo cáo quyết toán: Lập báo cáo đúng chế độ quy định, số liệu đầy đủ, rõ ràng. Các số liệu chi tiết, tổng hợp, bảng cân đối kế toán phải khớp đúng. Trừ 05 điểm nếu thiếu các loại biểu mẫu theo quy định, nộp báo cáo quyết toán chậm sau 1 tháng. Trừ 5 điểm nếu số liệu phản ánh cùng một chỉ tiêu giữa các báo cáo không khớp nhau, báo cáo quý sau không khớp với báo cáo quý trước (chỉ tiêu số dư); cộng sai số học	30

3. CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BHXH: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Giải quyết và thẩm định hưởng chế độ BHXH Trừ điểm khi giải quyết các chế độ BHXH và thẩm định hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức PHSK có tỷ lệ sai bình quân trong năm so với tổng số hồ sơ giải quyết, thẩm định trong năm (hồ sơ giải quyết, thẩm định	35

	sai được xác định qua kết luận kiểm tra của nội bộ BHXH tỉnh, thành phố, của Ban Kiểm tra, Trung tâm Lưu trữ và của Ban Thực hiện chính sách BHXH; qua kết luận của thanh tra, kiểm toán và qua giải quyết công văn, thư đơn), cụ thể như sau: <i>Trừ 5 điểm đối với tỷ lệ từ 1% đến dưới 3%; Trừ 10 điểm đối với tỷ lệ từ 3% đến dưới 5%; Trừ 15 điểm đối với tỷ lệ từ 5% đến dưới 7%; Trừ 20 điểm đối với tỷ lệ từ 7% trở lên.</i> <i>Trừ điểm nếu trong năm có đơn thư của đối tượng phản ánh đúng về việc giải quyết hoặc thẩm định sai chế độ BHXH, cụ thể: trừ 5 điểm khi có 1 đơn thư; trừ 10 điểm khi có 2-5 đơn thư; trừ 15 điểm khi có từ 6 đơn thư trở lên</i>	
2	Quản lý đối tượng: - Trong năm quản lý, theo dõi đối tượng tăng giảm, chuyển đi, chuyển đến, điều chỉnh mức hưởng chưa tốt, tùy theo mức độ (<i>trừ 5 – 10 điểm</i>). - Trong năm cắt giảm đối tượng hưởng trợ cấp theo quy định chậm từ 10 đến dưới 20 trường hợp <i>trừ 5 điểm</i>, từ 20 trường hợp trở lên <i>trừ 10 điểm</i>. - Trong năm không cắt giảm trợ cấp hết hạn theo quy định: 1 trường hợp, <i>trừ 5 điểm</i>; từ 2 đến 4 trường hợp, <i>trừ 10 điểm</i>; từ 5 đến 7 trường hợp, <i>trừ 15 điểm</i>; từ 8 trường hợp trở lên <i>trừ 20 điểm</i>.	25
3	Thủ tục hồ sơ và thời hạn giải quyết hưởng chế độ BHXH - Trừ điểm khi thủ tục hồ sơ giải quyết các chế độ BHXH có tỷ lệ sai bình quân trong năm so với tổng số hồ sơ giải quyết trong năm (thủ tục hồ sơ sai được xác định qua kết luận kiểm tra của nội bộ BHXH tỉnh, thành phố, của Ban Kiểm tra, Trung tâm Lưu trữ và của Ban Thực hiện chính sách BHXH; qua kết luận của thanh tra, kiểm toán và qua giải quyết công văn, thư đơn), cụ thể như sau: <i>trừ 5 điểm đối với tỷ lệ từ 1% đến dưới 3%; trừ 10 điểm đối với tỷ lệ từ 3% đến dưới 5%; trừ 15 điểm đối với tỷ lệ từ 5% trở lên.</i> - Giải quyết các chế độ BHXH và thẩm định hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức PHSK chậm so với quy định từ 3 ngày trở lên: <i>từ 1 hồ sơ đến 5 hồ sơ, trừ 5 điểm; từ 6 hồ sơ đến 10 hồ sơ, trừ 10 điểm; từ 11 hồ sơ đến 20 hồ sơ, trừ 15 điểm; từ 20 hồ sơ trở lên, trừ 20 điểm.</i> <i>Trừ 15 điểm nếu trong năm có trường hợp báo chí đăng phản ánh đúng về việc gây khó khăn, phiền hà trong việc lập thủ tục hồ sơ hưởng các chế độ BHXH không đúng quy định.</i>	20
4	Thực hiện chế độ thống kê, tổng hợp, báo cáo - Sổ sách thống kê, tổng hợp không ghi chép đầy đủ theo quy định, <i>trừ 5</i>	20

	điểm.	
	- Báo cáo chậm 3 lần trong năm cho bất kể loại báo cáo nào, trừ 5 điểm; từ 4 lần đến 7 lần, trừ 10 điểm; từ 8 lần trở lên, trừ 15 điểm.	
	- Trong năm: Không báo cáo 2 lần cho bất kể loại báo cáo nào, trừ 5 điểm; từ 3 đến 5 lần, trừ 10 điểm; từ 6 lần trở lên, trừ 15 điểm.	

4. CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỔ, THẺ: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Công tác cấp, quản lý và sử dụng sổ BHXH: Cấp, chốt sổ BHXH không kịp thời (trừ từ 5 – 10 điểm); Quản lý, ghi, xác nhận sổ BHXH không đúng quy định (trừ từ 10 – 20 điểm); Gây phiền hà, khó khăn, nhũng nhiễu người sử dụng lao động và người lao động (trừ từ 5 – 10 điểm).	40
2	Công tác cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHYT: Cấp không kịp thời thẻ BHYT (trừ từ 5 – 10 điểm); Cấp thẻ BHYT không đúng quy định (trừ từ 5 - 10 điểm); Gây phiền hà, khó khăn, nhũng nhiễu người tham gia BHYT (trừ từ 5 – 10 điểm).	30
3	Chấp hành chế độ báo cáo: Không nộp báo cáo trừ tối đa 20 điểm Nộp báo cáo không đúng hạn (trừ từ 5 – 10 điểm); Chất lượng báo cáo không đạt (trừ từ 5 – 10 điểm)	20
4	Quản lý phôi sổ BHXH, thẻ BHYT: nếu bị hỏng từ 3% - 5% (trừ 5 điểm); Nếu bị hỏng từ trên 5% trở lên (trừ 10 điểm).	10

5. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Bố trí cán bộ làm công tác tuyên truyền: Không bố trí cán bộ theo dõi công tác tuyên truyền: trừ tối đa đến 10 điểm.	10
2	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền theo định hướng của BHXH Việt Nam - Không xây dựng kế hoạch: trừ tối đa đến 15 điểm	15
3	Có nhiều biện pháp, hình thức tuyên truyền thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra:	65

	- Phối hợp với các cấp, các ngành ở địa phương thực hiện tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT: (15 điểm) <i>Nếu phối hợp nhưng thực hiện không tốt trừ từ 5-10 điểm; không phối hợp trừ 15 điểm.</i> - Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các cơ quan truyền thông ở địa phương tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT: (15 điểm) <i>Nếu phối hợp nhưng thực hiện không tốt trừ từ 5 – 10 điểm; không phối hợp trừ 15 điểm.</i> - Phát hành các ấn phẩm. Pano, áp phích, tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT: (10 điểm) <i>không có ấn phẩm trừ tối đa 10 điểm.</i> - Xây dựng mạng lưới cộng tác viên tuyên truyền: (10 điểm) <i>nếu không xây dựng được mạng lưới cộng tác viên tuyên truyền trừ tối đa 10 điểm.</i> - Có các nội dung, hình thức tuyên truyền để phát triển thêm nhiều đối tượng mới tham gia BHXH, BHYT (15 điểm). <i>Có nhưng chưa hiệu quả trừ từ 5 – 10 điểm, không có nội dung hình thức trừ 15 điểm.</i>	
4	Thực hiện báo cáo theo quy định - Nộp báo cáo không đúng thời gian trừ 5 điểm. - Chỉ có báo cáo 6 tháng trừ 5 điểm - Không có báo cáo cả năm trừ 10 điểm	10

6. CÔNG TÁC KIỂM TRA: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giải quyết KNTC năm theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam	15
	- Xây dựng kế hoạch năm không đầy đủ nội dung theo hướng dẫn (<i>trừ từ 5 – 10 điểm</i>)	
	- Kế hoạch không có phối hợp tổ chức thực hiện với địa phương, chất lượng kém (<i>trừ 5 điểm</i>)	
2	Thực hiện kế hoạch kiểm tra, giải quyết KNTC đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra; giải quyết đơn thư đảm bảo đúng thời gian có chất lượng, hiệu quả, số lượng cán bộ đủ theo quy định.	35
	- Thực hiện kiểm tra không đầy đủ nội dung, không đảm bảo kế hoạch đề ra (<i>trừ từ 5 – 15 điểm</i>)	
	- Giải quyết đơn thư KNTC không kịp thời (<i>trừ từ 5 – 15 điểm</i>)	
	- Cán bộ không đủ số lượng theo quy định (<i>trừ 5 điểm</i>)	
3	Phối hợp với các ngành, các phòng nghiệp vụ trong việc thực hiện xây	20

	dụng kế hoạch kiểm tra và thực hiện nội dung kiểm tra và thực hiện giải quyết KNTC	
	- Không phối hợp kiểm tra liên ngành (<i>trừ từ 5 – 10 điểm</i>)	
	- Phối hợp đạt hiệu quả thấp (<i>trừ 5 điểm</i>)	
	- Phối hợp giải quyết KNTC đạt hiệu quả thấp (<i>trừ 5 điểm</i>)	
4	Thực hiện kết luận, quyết định xử lý sau kiểm tra; giải quyết đơn thư KNTC tốt, đảm bảo thời gian, có hiệu quả	20
	- Thực hiện kết luận, quyết định xử lý sau kiểm tra không đảm bảo thời gian, không dứt điểm (<i>trừ từ 5 – 10 điểm</i>)	
	- Thực hiện giải quyết đơn KNTC không dứt điểm, không đảm bảo thời gian (<i>trừ từ 5 – 10 điểm</i>)	
5	Chế độ báo cáo về kế hoạch thực hiện kiểm tra, giải quyết KNTC, theo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm; Báo cáo thực hiện kết luận, quyết định xử lý sau kiểm tra, giải quyết KNTC đúng thời gian có chất lượng theo nội dung và biểu mẫu	10
	- Thực hiện báo cáo không đúng thời gian, nội dung báo cáo sơ sài, chất lượng kém (<i>trừ 5 điểm</i>)	
	- Nội dung báo cáo xử lý sau kiểm tra chất lượng kém hoặc không báo cáo kịp thời khi có các đoàn kiểm tra; kiểm tra của địa phương tại đơn vị về BHXH (<i>trừ 5 điểm</i>)	

7. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Công tác thống kê:	40
	1.1. Thời hạn nộp báo cáo:	20
	- Nếu thiếu một báo cáo định kỳ theo quy định, <i>trừ 5 điểm</i> .	
	- Nếu nộp báo cáo chậm từ 5 đến 10 ngày, <i>trừ 5 điểm</i> .	
	- Nếu nộp chậm báo cáo từ 11 ngày trở lên, <i>trừ 10 điểm</i>	
	1.2. Chất lượng báo cáo:	20
	- Nếu số liệu giữa các tháng liên kế không liên tục, số liệu báo cáo quý không khớp với số liệu báo cáo của các tháng trong quý mà không có lý do chính đáng, <i>trừ 5 điểm</i> .	
	- Nếu số liệu tại báo cáo quý và số liệu tại báo cáo quyết toán quý chênh lệch từ 3% trở lên, <i>trừ 5 điểm</i>	

2	Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: - Nếu đơn vị thực hiện sai quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, <i>trừ 5 điểm</i>. - Nếu đơn vị thực hiện sai quy định trong tổ chức, thẩm định, phê duyệt lựa chọn nhà thầu của các gói thầu, <i>trừ 5 điểm</i>. - Nếu đơn vị thực hiện sai quy định trong quản lý chất lượng công trình xây dựng, <i>trừ 5 điểm</i>. - Nếu tổng giá trị xây dựng công trình trong năm bị giảm trừ từ 5% đến 15% giá trị quyết toán, <i>trừ 5 điểm</i>. - Nếu tổng giá trị xây dựng công trình trong năm bị giảm trừ từ 16% đến 25% giá trị quyết toán, <i>trừ 10 điểm</i>. - Nếu tổng giá trị xây dựng công trình trong năm bị giảm trừ trên 25% giá trị quyết toán, <i>trừ 15 điểm</i>.	60
---	---	----

8. CÔNG TÁC THÔNG TIN: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
1	Quản lý thiết bị CNTT	15
1.1	Theo dõi, kiểm tra hiện trạng thiết bị: Sổ (hoặc phần mềm) theo dõi hiện trạng thiết bị được cập nhật thường xuyên; Sổ (hoặc phần mềm) được cập nhật thường xuyên. <i>Thiếu 2 chỉ tiêu trừ 5 điểm</i>	5
1.2	Chế độ lắp đặt, sử dụng và quản lý thiết bị: Thực hiện quy định về lắp đặt thiết bị CNTT theo quy chế của BHXH Việt Nam; Quy chế sử dụng và bảo quản thiết bị; Kỹ thuật lắp đặt, điều kiện môi trường, vị trí lắp đặt; Biên bản bàn giao thiết bị mới nhận; Hướng dẫn sử dụng và vận hành thiết bị. <i>Thiếu 4/5 chỉ tiêu trừ 5 điểm</i>	5
1.3	Chế độ bảo trì, bảo hành các thiết bị: Có sổ theo dõi, cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin vào sổ theo dõi; Bảo trì định kỳ hàng quý, Giấy báo hỏng, Biên bản giao nhận; Sổ theo dõi quá trình sửa chữa, khắc phục. <i>Thiếu 2/3 chỉ tiêu trừ 5 điểm</i>	5
2	Quản lý thiết bị mạng	20
2.1	Hệ thống mạng máy tính nội bộ: Hồ sơ thiết kế hệ thống: sơ đồ, có cập nhật; Quản trị mạng (quy chế, có cán bộ chuyên trách); Quy chế khai thác tài nguyên trên mạng; Hệ thống bảo mật và an toàn CSDL. <i>Mỗi chỉ tiêu thực hiện không đúng trừ 5 điểm, trừ tối đa 15 điểm</i>	15
2.2	Hệ thống hòm thư điện tử: Thành lập hòm thư điện tử của cơ quan và cá	5

	nhân để trao đổi nghiệp vụ, công việc; Hòm thư hoạt động có hiệu quả. <i>Thiếu 1 chỉ tiêu trừ 5 điểm</i>	
3	Quản lý dữ liệu	
3.1	Sao lưu và bảo quản dữ liệu: Có cán bộ chuyên trách; Có thiết bị lưu trữ và bảo quản dữ liệu sao lưu đúng quy định; Dữ liệu sao lưu đảm bảo đúng CSDL gốc; Có sổ theo dõi. <i>Làm sai 2/4 chỉ tiêu trở lên trừ từ 5 – 10 điểm</i>	10
3.2	Cung cấp, khai thác dữ liệu lưu trữ: Dữ liệu được cung cấp kịp thời khi có yêu cầu; Báo cáo dữ liệu đúng nơi, đúng thời hạn, đúng theo yêu cầu của BHXHVN. <i>Chỉ tiêu nào thực hiện không đúng trừ 5 điểm</i>	5
3.3	Bảo mật dữ liệu: Báo cáo quy chế phân quyền cho BHXH Việt Nam (Trung tâm thông tin); Phân quyền truy cập dữ liệu theo quy định; Quản lý phân quyền chặt chẽ. Đánh giá theo kết quả bảo mật	10
4	Thực hiện các quy định, văn bản, yêu cầu của BHXH Việt Nam về quản lý CNTT	15
4.1	- Thực hiện đầy đủ và đúng các văn bản của BHXHVN về quản lý CNTT: Quy chế CNTT; Quản trị mạng; Báo cáo nghiệp vụ; Các văn bản khác. Mỗi chỉ tiêu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trừ 5 điểm, trừ không quá 15 điểm	15
5	Quản lý Phần mềm CNTT	25
5.1	Triển khai phần mềm ứng dụng của ngành: Triển khai đầy đủ các phần mềm hiện có; Triển khai và thực hiện đúng kế hoạch, có đánh giá báo cáo kết quả; Có chuyên trách quản trị phần mềm; Thực hiện điều chỉnh phần mềm theo đúng quy định của BHXH Việt Nam. <i>Mỗi chỉ tiêu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trừ 5 điểm, trừ tối đa 15 điểm</i>	15
5.2	Vận hành và sử dụng chương trình phần mềm: Kết xuất thông tin báo cáo đúng chế độ; Người sử dụng phần mềm được đào tạo và sử dụng thành thạo. <i>Mỗi chỉ tiêu vi phạm trừ 5 điểm</i>	10

9. CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BHYT: 200 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Thực hiện hợp đồng KCB BHYT: - Thực hiện hợp đồng KCB BHYT: <i>Không đúng nội dung quy định trừ 5 điểm; không đúng thời gian quy định trừ 5 điểm.</i> - Thanh lý hợp đồng KCB BHYT: <i>không đúng nội dung quy định trừ 5 điểm; không đúng thời gian quy định trừ 5 điểm.</i>	20
2	Lập dự toán chi KCB và sử dụng quỹ KCB BHYT	90

	Sử dụng quỹ KCB - Nếu không bội chi quỹ: - Nếu bội chi quỹ: <i>chi vượt quỹ KCB dưới 10% quỹ được sử dụng trừ 10 điểm; chi vượt quỹ KCB từ 10 – 19% quỹ được sử dụng trừ 20 điểm; chi vượt quỹ KCB từ 20 – 29% quỹ được sử dụng trừ 30 điểm; chi vượt quỹ KCB từ 30 – 39% quỹ được sử dụng trừ 40 điểm; chi vượt quỹ KCB từ 40-49% quỹ được sử dụng trừ 50 điểm; chi vượt quỹ KCB từ 50% quỹ được sử dụng trở lên trừ 60 điểm;</i> Lập dự toán chi KCB BHYT hàng năm: <i>không đúng nội dung trừ 10 điểm, không đúng thời gian quy định trừ 10 điểm; Sai số quá 10% so với thực tế trừ 10 điểm</i>	60 30
3	Thực hiện công tác giám định BHYT: Tại cơ sở KCB: - Không thực hiện đúng Quy định KCB BHYT trừ 10 điểm - Không thực hiện đúng Quy trình giám định BHYT trừ 10 điểm - Thanh toán, quyết toán không đúng quy định trừ 15 điểm; thực hiện giám định hồ sơ thanh toán không đúng quy định trừ 5 điểm Tại cơ quan BHXH: - Thanh toán trực tiếp chi phí KCB BHYT không đúng quy định trừ 10 điểm. - Thực hiện mẫu biểu báo cáo, thống kê chi phí KCB không đúng quy định trừ 10 điểm Việc kiểm tra, xuất toán chi phí KCB: - Không thực hiện việc kiểm tra và xuất toán các chi phí sai của cơ sở KCB trừ 10 điểm - Báo cáo tháng, quý và năm về kiểm tra, xuất toán không đúng quy định trừ 10 điểm	60
4	Thực hiện chế độ báo cáo: - Nội dung báo cáo không đúng quy định trừ 10 điểm - Thời gian nộp báo cáo không đúng quy định trừ 5 điểm	15

5	Thực hiện quy chế phối hợp hoạt động trong thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT: - Không có quy chế phối hợp hàng năm trừ 5 điểm - Không thực hiện tốt quy chế phối hợp trừ 10 điểm	15
---	---	----

10. CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Công tác xây dựng biên chế, tuyển dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức: 1.1. Về biên chế: Xác định biên chế theo chức danh, tiêu chuẩn, vị trí công việc của các đơn vị trực thuộc theo đúng hướng dẫn của BHXH Việt Nam (thực hiện không đúng quy định trừ 5 điểm). 1.2. Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Tuyển dụng theo vị trí, chức danh; quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Nhà nước và của BHXH Việt Nam (thực hiện không đúng quy định trừ từ 5 đến 10 điểm). 1.3. Về công tác quản lý tiền lương và giải quyết chế độ, chính sách: Xếp lương, phụ cấp, nâng bậc lương (định kỳ, trước thời hạn), quản lý và sử dụng quỹ lương; giải quyết chế độ BHXH, BHYT cho cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định của Nhà nước và của BHXH Việt Nam (thực hiện không đúng quy định trừ 5 điểm).	25
2	Công bố tổ chức, đào tạo bồi dưỡng, cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng: 2.1. Về công tác tổ chức bộ máy và cải cách hành chính: Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc; xây dựng và triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị trực thuộc; thực hiện cải cách hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa”, gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính theo quy định; thực hiện Quy tắc ứng xử và chuyển đổi phong cách phục vụ (thực hiện không đúng quy định trừ từ 5 đến 10 điểm). 2.2. Về công tác phòng chống tham nhũng: Tổ chức thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng; thực hiện kê khai tài sản, thu nhập; thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (thực hiện không đúng quy định trừ 5 điểm). 2.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; cử cán bộ, công chức đi học đúng đối	25

	tượng; sử dụng kinh phí đào tạo hiệu quả, đúng mục đích (<i>thực hiện không đúng quy định trừ 5 điểm</i>).	
3	Công tác cán bộ (tối đa 25 điểm): 3.1. Triển khai xây dựng quy hoạch cán bộ theo đúng hướng dẫn của BHXH Việt Nam (<i>thực hiện không đúng quy định trừ từ 5 đến 10 điểm</i>). 3.2. Thực hiện công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đào tạo cán bộ, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước và của BHXH Việt Nam (<i>thực hiện không đúng quy định trừ từ 5 đến 10 điểm</i>). 3.3. Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; xử lý kỷ luật cán bộ, công chức; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức đúng quy định (<i>thực hiện không đúng quy định trừ 5 điểm</i>).	25
4	Giữ gìn đoàn kết nội bộ; thực hiện Quy chế dân chủ và thực hiện chế độ thông tin báo cáo (tối đa 25 điểm): 4.1. Giữ gìn nội bộ cơ quan, đơn vị; thực hiện đoàn kết trong tập thể lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan. Trường hợp để phát sinh nhiều đơn thư khiếu kiện sẽ trừ điểm thi đua theo số đơn thư: <i>dưới 5 đơn thư trừ 5 điểm; từ 5 đến dưới 20 đơn thư trừ 10 điểm; từ trên 20 đơn thư thì trừ 15 điểm; còn thực hiện không đúng quy định trừ từ 5 đến 10 điểm</i>). 4.2. Chấp hành chế độ thông tin báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và các báo cáo đột xuất đúng thời hạn về BHXH Việt Nam (<i>thực hiện không đúng quy định trừ từ 5 đến 10 điểm</i>).	

11. CÔNG TÁC LƯU TRỮ: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Tổ chức quản lý lưu trữ, khai thác hồ sơ hưởng BHXH tại đơn vị - Bố trí đầy đủ kho tàng, trang thiết bị; ban hành quy định nội quy về công tác lưu trữ, khai thác hồ sơ; đảm bảo an toàn hồ sơ lưu trữ. (<i>Không đầy đủ, không đảm bảo trừ từ 5 – 10 điểm</i>). - Hàng tháng tiếp nhận và đưa vào lưu trữ đầy đủ hồ sơ hưởng BHXH giải quyết trong tháng; kịp thời lưu bổ sung hồ sơ có phát sinh điều chỉnh lại, giải quyết lại (<i>lưu trữ không đầy đủ, hoặc hồ sơ giải quyết lại không bổ sung lưu trữ cùng hồ sơ ban đầu trừ từ 5 – 10 điểm</i>) - Giải quyết kịp thời đúng quy định đối với các yêu cầu khai thác hồ sơ của	60

	đơn vị và cá nhân <i>(thực hiện không tốt trừ 5 điểm)</i>	
2	Giao nộp hồ sơ về lưu trữ và khai thác hồ sơ hưởng BHXH tại BHXH Việt Nam - Hàng tháng chuyển hồ sơ hưởng BHXH giải quyết trong tháng về lưu trữ tại BHXH Việt Nam theo đúng quy định; Hoàn chỉnh hồ sơ có sai sót về thủ tục, tính pháp lý theo yêu cầu của BHXH Việt Nam. <i>(Giao nộp chậm, không đầy đủ, không hoàn chỉnh hồ sơ đúng thời hạn trừ từ 5 – 10 điểm)</i> - Gửi đầy đủ về lưu trữ hồ sơ giải quyết lại theo chỉ đạo của BHXH Việt Nam hoặc quyết định, phiếu điều chỉnh với các trường hợp cần sửa đổi, bổ sung. Thực hiện đúng quy định về khai thác hồ sơ hưởng tại BHXH Việt Nam. <i>(Gửi không đầy đủ; cùng một hồ sơ đề nghị sao lục nhiều lần, sao lục hồ sơ thuộc nguồn quỹ trừ 5 điểm)</i>	30
3.	Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý lưu trữ hồ sơ hưởng BHXH <i>(Thực hiện không tốt trừ 5 điểm)</i>	10

12. CÔNG TÁC VĂN PHÒNG: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Chấp hành nộp báo cáo tháng, báo cáo chuyên đề <i>Thiếu báo cáo trừ 5 điểm/báo cáo</i>	30
2	Thời gian nộp báo cáo <i>Nộp chậm so với thời gian quy định trừ 5 điểm/báo cáo</i>	20
3	Chất lượng báo cáo <i>Không đảm bảo yêu cầu về nội dung trừ 5 điểm/báo cáo</i>	30
4	Thể thức văn bản của các báo cáo tháng, chuyên đề <i>Sai thể thức, thẩm quyền ký văn bản trừ 5 điểm/báo cáo</i>	20

13. CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG: 100 ĐIỂM

TT	CHỈ TIÊU THI ĐUA	ĐIỂM
1	Hàng năm tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. <i>Không thực hiện trừ tối đa 20 điểm;</i> <i>Không đảm bảo thời gian quy định; nội dung sơ sài; Trừ từ 5 đến 10 điểm tùy theo mức độ vi phạm.</i>	20

2	Tổ chức thực hiện công tác thi đua. <i>(Xây dựng nội dung, chỉ tiêu thi đua, tổ chức triển khai thực hiện nội dung phát động phong trào thi đua không sát, không kịp thời trừ từ 5 đến 15 điểm tùy theo mức độ)</i>	25
3	Sơ kết, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến - Xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến để học tập và nhân rộng trong đơn vị; - Thực hiện sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và đề ra phương hướng, biện pháp tổ chức phong trào thi đua. <i>(Tùy theo mức độ thực hiện không tốt trừ từ 5 đến 10 điểm đối với mỗi chỉ tiêu)</i>	20
4	Trình tự, thủ tục, thời hạn, hồ sơ, giải quyết thi đua, khen thưởng. - Xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định. - Đảm bảo đúng trình tự, thời hạn đề nghị xét thi đua, khen thưởng; - Lập hồ sơ thi đua, khen thưởng đúng quy định; - Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng trung thực; <i>Trừ từ 5 điểm đối với mỗi chỉ tiêu thực hiện không đúng quy định</i>	20
5	Chế độ báo cáo và theo dõi quản lý công tác thi đua, khen thưởng. Nộp báo cáo đầy đủ, có chất lượng; Nộp báo cáo đúng thời gian; Mở sổ sách theo dõi quản lý tốt công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị. <i>Có vi phạm trừ 5 điểm đối với mỗi chỉ tiêu.</i>	15